

Bản án số:12/2021/DS-PT
Ngày: 30/7/2021
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Trưởng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Trần Văn San

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hòa - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Ông Lê Văn Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2021/TLPT - DS ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"; do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2021/QĐ-PT ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị L, sinh năm 1959 và Ông Nguyễn Duy P, sinh năm 1960. Cùng ở địa chỉ: Tổ 3, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Người đại diện theo ủy quyền của ông PH: Bà Trương Thị L (theo Giấy ủy quyền ngày 05/7/2021). Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình T, Luật sư của Công ty Luật TNHH Hà Nam. Địa chỉ: Số 196, đường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Tổ 5, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

3. Người kháng cáo chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Tổ 5, thị trấn B, huyện K, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án như sau:

Do quen biết và cùng nơi cư trú nên vợ chồng bà Trương Thị L nhiều lần cho chị Huỳnh Thị H vay tiền, vay không thời hạn và có thỏa thuận trả lãi. Cụ thể:

Lần 1: Ngày 15/11/2013, cho chị H vay 32.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng, không thời hạn trả. Đến ngày 15/11/2014 chị H viết lãi từ ngày vay 15/11/2013 đến ngày 15/11/2014 là 7.680.000đồng rồi viết chung vào giấy vay tiền là 32.000.000đồng + 7.680.000đồng = 39.680.000đồng. Số tiền này chưa trả.

Lần 2: Ngày 24/3/2015 âm lịch, chị H vay 60.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng, không thời hạn trả, số tiền này chưa trả gốc và lãi.

Lần 3: Ngày 24/4/2015 âm lịch, chị H vay 40.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng, không thời hạn trả. Đến ngày 16/9/2015 âm lịch, chị H trả 20.000.000đồng tiền gốc, còn lại 20.000.000 đồng gốc và lãi chưa trả.

Lần 4: Ngày 04/6/2015, chị H vay 20.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng, vay không thời hạn. Đến ngày 09/12/2015 chị H trả 15.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 5.000.000đồng tiền gốc và lãi chưa trả.

Lần 5: Ngày 09/12/2015 âm lịch, chị H vay 15.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng, vay không thời hạn, chưa trả gốc và lãi.

Quá trình thực hiện hợp đồng:

Lần 06: Do nhiều lần chị H không trả được nợ nên ngày 01/01/2016 âm lịch chị H viết giấy nhận nợ vay số tiền 80.000.000đồng, đây là khoản vay lần 02 và lần 03 cộng lại là 100 triệu đã trả 20 triệu *còn lại là 80 triệu đồng*.

Lần 07: ngày 15/11/2016, chị H viết giấy vay số tiền 58.700.000 đồng chốt nợ tiền gốc và tiền lãi của khoản vay 32 triệu đồng lần 01 ngày 15 tháng 11 năm 2013.

Lần 08: Do không trả được nợ, ngày 02/12/2017 âm lịch chị H viết biên nhận quyết toán tổng nợ gốc và nợ lãi của tất cả các lần vay là 204.000.000đồng hạn đến 30/02/2018 âm lịch sẽ trả 24.000.000 đồng. Tất cả các lần vay tiền, chị H đều nhận tiền một mình và tự nguyện viết giấy biên nhận vay tiền.

* Nguyên đơn bà Trương Thị L yêu cầu: Chị Huỳnh Thị H phải trả số nợ gốc 204.000.000đồng và số tiền lãi chậm trả tính trên nợ gốc chậm trả từ

ngày 16/4/2018 đến ngày 12/10/2020 là 10% năm.

* Bị đơn là chị Huỳnh Thị H trình bày: Thừa nhận chị 04 lần vay tiền của chị L là 95.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng, đã trả là 20.000.000 đồng còn nợ lại là 75.000.000 đồng. Tất cả các lần vay chị đều một mình nhận tiền và tự tay viết, kí giấy nhận tiền, toàn bộ giấy vay tiền do bà L giữ, chữ viết trong giấy vay nợ đều do tự tay chị viết và ký tên nên chị không yêu cầu giám định. Thời gian cụ thể từng lần vay chị không nhớ, chỉ nhớ năm vay tiền như sau:

Lần 1: Năm 2012, vay 15.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng. Số tiền này chưa trả gốc và lãi.

Lần 2: Năm 2013 vay 5.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng. Số tiền này chưa trả gốc và lãi.

Lần 3: Năm 2014 vay 60.000.000đồng, đến ngày 24/4/2014 chị trả cho vợ chồng bà L số tiền gốc là 20.000.000đồng, còn lại tiền gốc 40.000.000đồng và tiền lãi chưa trả.

Lần 4: Năm 2015 vay 15.000.000đồng, lãi suất 2%/tháng. Số tiền này chưa trả gốc và lãi.

Đối với giấy biên nhận tiền đề ngày 02/12/2017 âm lịch ghi vay số tiền 204.000.000đồng, trong đó nợ gốc 75.000.000đồng chưa trả và lãi phát sinh theo thỏa thuận tiền lãi tính 2%/tháng của toàn bộ số tiền vay từ khi vay cho đến thời điểm quyết toán nợ gốc, lãi là 204.000.000đồng. Trước khi viết giấy vay nợ số tiền 204.000.000đồng giữa chị và vợ chồng bà L có thỏa thuận tính lãi bằng lời 2%/tháng, lãi từ thời gian nào chị không nhớ. Bà L yêu cầu chị phải trả số tiền gốc là 204.000.000đồng và tiền lãi chị không nhất trí vì chị còn nợ bà L 75.000.000 đồng tiền gốc.

Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 186; Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật Dân sự 2005. Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của

pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Các Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L và ông Nguyễn Duy P (ông PH ủy quyền cho bà L).

Buộc chị Huỳnh Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trương Thị L và ông Nguyễn Duy P số tiền nợ gốc 132.000.000đồng + số tiền lãi 92.878.289đồng = 224.878.289đồng (làm tròn số 224.879.000đồng).

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.244.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Trong thời hạn luật định:

- Ngày 16/5/2021, chị Huỳnh Thị H là bị đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 07/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tính lại số tiền gốc, lãi trên nợ gốc là 75.000.000 đồng, và cho rằng chị không phải chịu án phí sơ thẩm vì chị không phải là người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Chị Huỳnh Thị H: Nhất trí về thời gian tính lãi, mức lãi suất trong hạn, quá hạn áp dụng như bản án sơ thẩm nên chị rút yêu cầu kháng cáo về lãi suất. Và cho rằng chỉ còn nợ vợ chồng bà L 75.000.000 đồng tiền gốc, chị đồng ý trả tiền gốc và tiền lãi từ khi vay đến khi chốt nợ; chị thừa nhận chữ viết, chữ kí trong 08 giấy vay tiền là của chị; thừa nhận giấy biên nhận nợ lần thứ 07 là khoản chốt nợ tiền gốc 32.000.000 đồng vay ngày 15/11/2013 và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận chưa trả tính đến khi chốt nợ là 58.700.000 đồng, đây là khoản vay được chốt nợ độc lập chưa trả, không liên quan đến khoản chốt nợ vay lần 06. Ngày 02/12/2017 âm lịch chị H và vợ chồng bà L đã quyết toán tiền nợ gốc và tiền lãi tất cả các lần vay là 204.000.000đồng, chị không phải trả lãi đối với khoản tiền đã chốt nợ, chị nhất trí trả vợ chồng bà L số tiền như đã thỏa thuận nhưng do điều kiện khó khăn nên chị chưa trả được nợ. Chị đồng ý trả bà L 75.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh từ khi vay đến nay. Còn bà L khởi kiện thì phải tự chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Bà Trương Thị L có ý kiến như sau:

+ Chi H đã 05 lần vay tiền của bà với tổng số tiền là 167.000.000đồng, đã trả 35.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại là 132.000.000đồng tiền gốc chưa trả và tiền lãi phát sinh tất cả các lần vay đến nay chưa trả.

+ Đối với giấy biên nhận nợ lần 06 là khoản vay lần 02 + lần 03 là 80.000.000 đồng, giấy biên nhận lần 07 là khoản vay lần 01 tiền gốc là 32.000.000 đồng và khoản lãi phát sinh từ năm 2013 đến khi chốt nợ gốc lãi của khoản vay lần 01 như ý kiến chị H là đúng; giấy biên nhận nợ lần thứ 08 là tổng các khoản nợ tiền gốc là 132.000.000 đồng còn lại và tiền lãi phát sinh từ khi cho H vay đến khi chốt nợ. Bà nhất trí với bản án sơ thẩm đã tuyên nên không kháng cáo. Đề nghị bác kháng cáo của chị H.

- Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà L luật sư Nguyễn Đình T có ý kiến như sau: Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H thừa nhận tất cả giấy biên nhận nợ do chính tay chị H viết, thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo cho rằng chỉ còn nợ bà L 75.000.000 đồng. Cấp sơ thẩm căn cứ vào 05 giấy vay tiền từ lần 01 đến lần thứ 05 do chị H tự tay viết để xác định nợ gốc, nợ lãi là đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị: Tại phiên tòa phúc thẩm chị H đã rút một phần kháng cáo về lãi suất là tự nguyện đề nghị chấp nhận; chị H cho rằng chỉ nợ bà L 75.000.000 đồng nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh, đề nghị không chấp nhận kháng cáo. Về án sơ thẩm: yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của chị H và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Về án phí phúc thẩm: chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của đương sự, luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Huỳnh Thị H trong thời hạn luật định nên vụ án thuộc thẩm quyền của cấp phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo chị Huỳnh Thị H thừa nhận các khoản vay đều thỏa thuận lãi 2%/tháng, chị nhất trí về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, thời gian tính lãi như bản án sơ thẩm. Vì vậy chị H rút một phần yêu

cầu kháng cáo về lãi suất, xét việc rút yêu cầu kháng cáo này của chị H là tự nguyện nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét kháng cáo của chị Huỳnh Thị H: Trong vụ án này chị H 08 lần viết giấy vay tiền của chị L. Đối với các giấy biên nhận nợ lần 6 ngày 06/01/2016 vay 80 triệu đồng; lần 07, ngày 15/11/2016 vay 58.700.000 đồng lãi suất 2%/tháng; lần 08, ngày 02/12/2017 âm lịch ghi chị H còn nợ bà L là 204.000.000 đồng. Xét: bản chất là biên bản quyết toán nợ gốc + lãi, đây không phải là khoản vay mới. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận để làm căn cứ xác định nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc của chị H đối với vợ chồng bà L là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào 05 tờ giấy vay nợ từ lần thứ 1 đến lần thứ 05 do chính tay chị H viết làm căn cứ xác định số tiền nợ gốc là 132.000.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật.

Chị H kháng cáo cho rằng 04 lần vay tiền của bà L, tổng số tiền vay là 95.000.000 đồng, đã trả 20.000.000 đồng, chỉ còn nợ vợ chồng bà L 75.000.000 đồng tiền gốc. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị H thừa nhận khoản nợ 32.000.000 đồng vay ngày 15/11/2013, chị chưa trả tiền gốc và tiền lãi cho bà L nên đã quyết toán lần thứ 07 ghi vay 58.700.000 đồng.

Xét, tại giai đoạn sơ thẩm chị H thừa nhận 04 lần vay tiền của bà L là 95.000.000 đồng, tại phiên phúc thẩm chị thừa nhận thêm khoản vay 32 triệu đồng, như vậy chị H đã thừa nhận 05 lần vay tiền của bà L với tổng số tiền vay là 127.000.000 đồng. Bản thân chị H không nhớ về các khoản vay dẫn đến chị trình bày không chính xác về thời gian vay, số tiền vay; trong khi đó tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm chị thừa nhận các giấy vay tiền đều là của chị viết khi vay và đưa cho bà L giữ. Xét, lời thừa nhận của chị H là phù hợp với các giấy vay tiền và là các tài liệu chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm chị H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của chị nên yêu cầu này của chị H không được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2]. Xét kháng cáo của chị H về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Vì vậy, chị Huỳnh Thị H là bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 11.244.000 đồng là phù hợp với điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và các Điều 12, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh Thị H. Và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh Thị H không được chấp nhận nên chị phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm c khoản 01 Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh Thị H về lãi suất.

+ Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của chị Huỳnh Thị H.

+ Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 07/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 186; Điều 271; Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật Dân sự 2005. Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Các Điều 12; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L và ông Nguyễn Duy P (ông PH ủy quyền cho bà L).

Buộc chị Huỳnh Thị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà Trương Thị L và ông Nguyễn Duy P số tiền nợ gốc 132.000.000đồng + số tiền lãi 92.878.289đồng = 224.878.289đồng (làm tròn số 224.879.000đồng).

Bác yêu cầu khác của đương sự.

2. Án phí: - Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị H phải chịu 11.243.914đồng (làm tròn số 11.244.000đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí cho bà Trương Thị L và ông Nguyễn Duy P.

- Án phí phúc thẩm: Chị Huỳnh Thị H phải nộp 300.000đ đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004320 ngày 31 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Chị H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng

còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND, VKSND huyện Kim Bảng;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa DS; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Trưởng

